

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

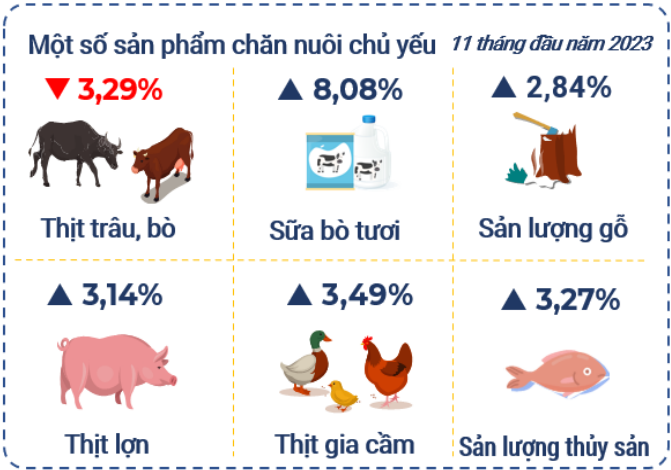
1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Tính đến trung tuần tháng Mười một, bà con nông dân cơ bản đã hoàn tất việc gieo trồng vụ đông năm 2023-2024. Tổng diện tích cây trồng các loại ước đạt 13.821 ha, giảm 3,75% (giảm 539 ha) so với cùng kỳ. Cụ thể như sau: Ngô đạt 5.184 ha, giảm 3,78%; khoai lang 1.200 ha, giảm 2,17%; Lạc 192 ha, giảm 8,29%; Đậu tương 391 ha, giảm 11,55%; rau các loại 4.852 ha, giảm 3,82%... Diện tích gieo trồng hầu hết các loại cây vụ đông năm nay đều giảm so với vụ đông năm trước, diện tích đất bị bỏ trống, không gieo trồng có xu hướng tăng.

b. Chăn nuôi

Tháng 11/2023, tình hình sản xuất chăn nuôi được duy trì ổn định, tuy nhiên ngành vẫn phải đối mặt với những khó khăn do biến động giá và các yếu tố thị trường, đặc biệt là chăn nuôi lợn. Giá lợn hơi tiếp tục giữ ở mức thấp do dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số tỉnh khiến người chăn nuôi đã gia tăng lượng xuất chuồng. Giá bán thịt lợn hơi trên địa bàn tỉnh hiện nay đang ở mức dưới 50.000 đồng/kg, giảm so với cùng thời điểm tháng trước từ 3.000 đồng/kg - 5.000 đồng/kg. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 11 ước đạt 10,3 nghìn tấn tăng 2,68% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 118,9 nghìn tấn, tăng 2,89%; sản lượng thịt trâu bò hơi tiếp tục xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao, ước đạt 6.247,8 tấn, giảm 3,29%; thịt lợn hơi ước đạt 75.640 tấn, tăng 3,14%; thịt gia cầm hơi ước đạt 37.056 tấn, tăng 3,49%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 54.200 tấn, tăng 8,08%... Trong tháng, công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm được thực hiện chặt



chế, trên địa bàn tỉnh hiện chưa phát hiện ổ dịch bệnh truyền nhiễm.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng 11/2023, sản lượng gỗ khai thác đạt 4.785 m³, tăng 2,68%; sản lượng củi ước đạt 4,128 Ste, tăng 1,67%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 69,4 nghìn cây. Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng nhìn chung được thực hiện tốt. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Tính chung 11 tháng, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 44.081 m³, tăng 2,84%; sản lượng củi khai thác ước đạt 44.725 Ste, tăng 0,4%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 875 nghìn cây, tăng 40,04% so cùng kỳ.

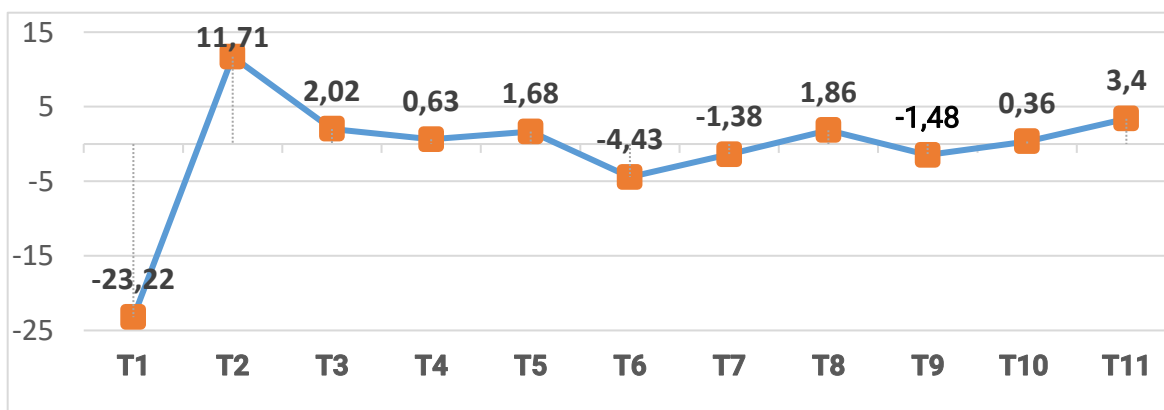
1.3. Sản xuất thủy sản

Tháng 11/2023, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 2,0 nghìn tấn, tăng 3,3%; trong đó: sản lượng nuôi trồng ước đạt 1,84 nghìn tấn, tăng 3,47%, sản lượng khai thác ước đạt 161,2 tấn, tăng 1,38%. Sản xuất giống thủy sản ước đạt 64,5 triệu con, tăng 3,2% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 22,2 nghìn tấn, tăng 3,27%; trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 20,5 nghìn tấn, tăng 3,45%, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1,7 nghìn tấn, tăng 1,16%. Sản xuất giống thủy sản đạt 3.107,5 triệu con, tăng 1,48% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 11/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có chiều hướng tích cực hơn tháng trước ở cả 3 chỉ số: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 5,61%, chỉ số tiêu thụ (ngành chế biến, chế tạo) tăng 8,36%, chỉ số tồn kho giảm 1,23%. Tuy nhiên, do những khó khăn chung từ đầu năm, mức độ phục hồi của nền kinh tế thế giới và trong nước chậm, nên tính chung 11 tháng, chỉ số IIP vẫn giảm 1,07% so 11 tháng năm 2022.

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Tháng 11/2023, IIP ước tính tăng 5,61% so với tháng trước và tăng 3,40% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, ngành Khai khoáng tăng 6,4%, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,37%, ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 9,68%, ngành Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,26%.

Trong các ngành công nghiệp chủ lực: Ngành sản xuất linh kiện điện tử có sự tăng trưởng trở lại trong tháng 10 và tháng 11 sau kỳ suy giảm tháng 9, chỉ số IIP tháng 11/2023 ước tính tăng 8,33% so với tháng trước và tăng 16,49% so cùng kỳ, lũy kế 11 tháng tăng 7,84%. Ngành sản xuất ô tô có IIP tháng 11/2023 tăng nhẹ so với tháng trước song vẫn giảm khá mạnh so với cùng kỳ (-13,8%); sản lượng sản xuất xe có động cơ 11 tháng ước đạt 38,2 nghìn xe, giảm 23,81% so với 11 tháng năm 2022. Ngành sản xuất xe máy gặp khó khăn hơn khi ghi nhận chuỗi 9 tháng liên tục có IIP giảm so với cùng kỳ, trong đó, tháng 11/2023 là tháng giảm sâu nhất (-24,55%), lũy kế 11 tháng giảm 12,81%. Ngành dệt và ngành sản xuất da, các sản phẩm liên quan ghi nhận mức giảm lần lượt 11,14% và 18,77% do nhu cầu tiêu thụ thấp, lạm phát cao, người dân hạn chế mua sắm các mặt hàng không thiết yếu. Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 24,94% người dân hạn chế đầu tư xây dựng nhà ở và thị trường bất động sản chưa phục hồi.

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 11/2023, ngoài sản lượng thức ăn gia súc và doanh thu dịch vụ linh kiện điện tử ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm xe máy với mức giảm 24,68%. Tính chung 11 tháng, hầu hết sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh như thức ăn gia súc, giày thể thao, gạch ốp lát, xe ô tô các loại, xe máy các loại đều giảm so với cùng kỳ; riêng doanh thu linh kiện điện tử tăng 7,84%, thấp hơn mức tăng 21,51% của cùng kỳ năm 2022 so với năm 2021.

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 11/2023 tăng 2,83% so với tháng trước và tăng 6,26% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp Nhà nước giảm 1,72%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 0,89% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 7,13% so với cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 11/2023 ước tăng 8,36% so với tháng trước và giảm 4,53% so với cùng kỳ. So với tháng trước, một số ngành có mức tăng khá là: Ngành sản xuất trang phục tăng 21,75%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 20,73%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 12,05%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 32,45%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 11/2023, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số tồn kho giảm 1,23% so với tháng trước và tăng 24,41% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể: ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 8,63%; ngành sản xuất thiết bị điện giảm 32,54%; ngành sản xuất xe có động cơ giảm 22,21%.

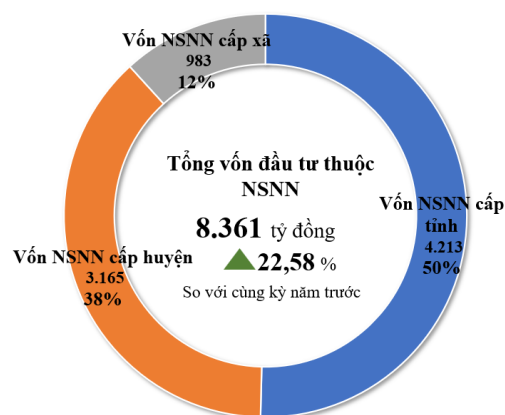
3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. *Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước*

Tháng 11/2023, việc kiểm soát và duy trì ổn định giá vật liệu xây dựng, đồng thời đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng cuối năm, đã tạo ra những tác động tích cực đối với vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý. Kết quả, Tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện ước đạt 1.255 tỷ đồng, tăng 24,46%. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 679 tỷ đồng, giảm 0,68%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 429 tỷ đồng, tăng 56,02%, vốn ngân sách cấp xã đạt 147 tỷ đồng, tăng 194,11% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng đầu năm ước đạt 8.361 tỷ đồng, tăng 22,58% so với cùng kỳ năm trước và đạt 77,38% kế hoạch giao. Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cao nhất ở các công trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài (ODA) với 281,4 tỷ đồng, hoàn thành 71,06% kế hoạch giao. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 4.213 tỷ đồng, tăng 5,66%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 3.165 tỷ đồng, tăng 32,79%, vốn ngân sách cấp xã đạt 983 tỷ đồng, tăng 118,38% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu vốn đầu tư thuộc nguồn NSNN do địa phương quản lý 11 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



3.2. *Thu hút đầu tư trực tiếp*

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh đã thu hút được 29 dự án DDI (13 dự án cấp mới, 16 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 21,28 nghìn tỷ đồng, tăng 74,15%. Trong tháng, không có dự án đăng ký mới hoặc điều chỉnh vốn đăng ký tăng thêm. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được 70 dự án FDI (26 dự án

cấp mới, 44 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 583,32 triệu USD, tăng 83,45% so với cùng kỳ. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 66/70 dự án. Các đối tác đầu tư truyền thống (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc) vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Vốn đầu tư của các nhà đầu tư Đài Loan tăng mạnh (đạt 176,18 triệu USD, chiếm 30,20% tổng vốn đăng ký), đứng đầu trong các quốc gia, vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh trong 11 tháng đầu năm 2023.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục tăng, tuy nhiên, sự suy giảm của số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động và gia tăng của số lượng doanh nghiệp rút lui cho thấy dấu hiệu của những khó khăn và thách thức mà doanh nghiệp đang phải đối mặt trong môi trường kinh doanh hiện nay. Tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh có 1.364 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 10.287 tỷ đồng, dự kiến giải quyết việc làm cho 8.798 lao động, tăng 10,45% về số doanh nghiệp, nhưng giảm 5,83% số lao động và giảm 51,36% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Các ngành dịch vụ là nhóm có mức tăng cao nhất với một số ngành có số lượng doanh nghiệp tăng cao so với cùng kỳ như: Ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 120%; ngành giáo dục tăng 88,89%; ngành vận tải kho bãi tăng 48%; thông tin và truyền thông tăng 60%;...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 11 tháng đầu năm 2023 là 344 doanh nghiệp, giảm 10,18% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.708 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 155 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động). Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng, lũy kế 11 tháng đầu năm có 831 doanh nghiệp, tăng 37,13% so với cùng kỳ, bao gồm 695 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 136 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Trung bình mỗi tháng có 75 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

Tháng 11/2023, thị trường hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn có xu hướng sôi động hơn. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tăng cường chuẩn bị nguồn hàng và cung ứng ra thị trường các sản phẩm, dịch vụ phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng dịp cuối năm. Kết quả kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt với doanh thu tiếp tục tăng so với tháng trước và tăng khá so với cùng kỳ.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 11/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 7.070,2 tỷ đồng, tăng 1,57% so với tháng Mười và tăng 9,79% so với cùng kỳ. Cụ thể:

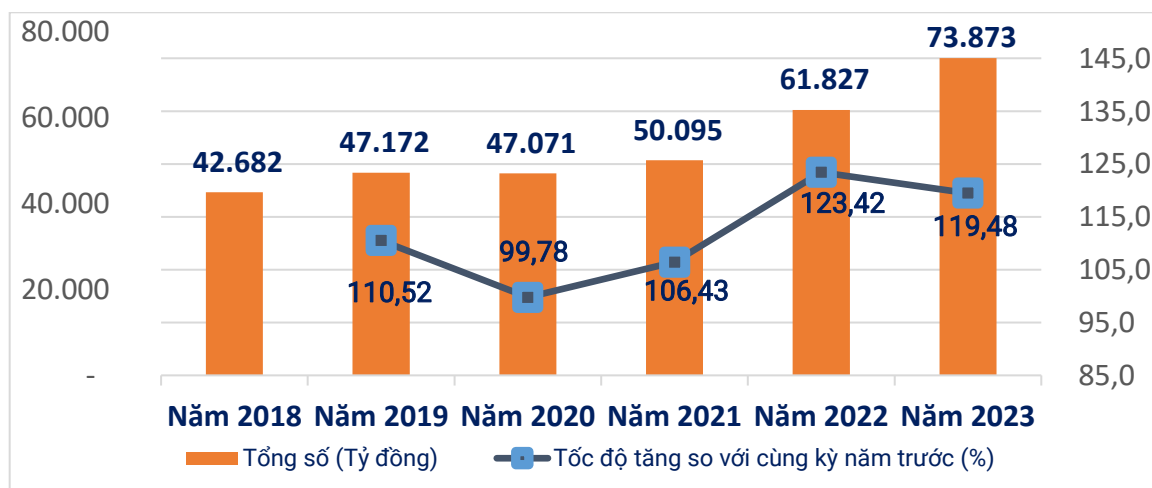
Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 6.033,9 tỷ đồng, chiếm 85,34% tổng mức, tăng 1,69% so với tháng trước và tăng 9,08% so với cùng kỳ. Trong 12 nhóm ngành hàng bán lẻ chủ yếu, có 3 ngành hàng có doanh thu tháng 11/2023 tăng cao so với cùng kỳ, cụ thể: Doanh thu hàng may mặc ước đạt 326,3 tỷ đồng tăng 38,78%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) ước đạt 351,8 tỷ đồng tăng 37,71%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) ước đạt 65,5 tỷ đồng tăng 23,46%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 609,6 tỷ đồng, chiếm 8,62% tổng mức, tăng 0,02% so với tháng trước và tăng 14,42% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 84,3 tỷ đồng, tăng 1,03% so với tháng trước, giảm 13,65% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 493,2 tỷ đồng, tăng 0,41% so với tháng trước, tăng 19,3% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ du lịch ước đạt 32,1 tỷ đồng, giảm 7,87% so với tháng trước và tăng 47,54% so với cùng kỳ.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 426,8 tỷ đồng, chiếm 6,04% tổng mức, tăng 2,19% so tháng trước và tăng 13,63% so cùng kỳ.

Tính chung mười một tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 73.872,7 tỷ đồng, tăng 19,48% so với cùng kỳ. Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 62.937,7 tỷ đồng, tăng 17,03%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành là 6.600,7 tỷ đồng, tăng 47,28%; doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác là 4.334,3 tỷ đồng, tăng 21,59% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 11 tháng đầu năm 2023



4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 11/2023, hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vận chuyển hành khách và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Doanh thu toàn ngành vận tải ước đạt 587,17 tỷ đồng, tăng 23,22% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể như sau:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 88,24 tỷ đồng, tăng 2,42% so với cùng kỳ với trên 2,1 triệu lượt khách vận chuyển tăng 18,96% và 143,0 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 40,59% so cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 461,8 tỷ đồng, tăng 27,49% so với cùng kỳ, đạt 5,2 triệu tấn hàng hóa vận chuyển tăng 40,05% và 381,5 triệu tấn.km hàng hoá luân chuyển tăng 33,36% so với cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng đầu năm, doanh thu vận tải ước đạt 5.575,8 tỷ đồng, tăng 18,86% so với cùng kỳ. Vận tải hành khách đạt gần 21,5 triệu lượt khách, tăng 19,94% và 1.333,2 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 26,07% so với cùng kỳ. Vận tải hàng hóa đạt gần 50,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 33,69%; luân chuyển ước đạt 3.656,9 triệu tấn.km, tăng 37,6% so với cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá

Tháng 11/2023, một số khu vực thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND, ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2023-2024; giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng nhẹ 0,12% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười một giảm 0,06% và so với cùng kỳ năm trước giảm 0,26%. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 2,35% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 6 nhóm hàng tăng giá và 5 nhóm hàng giảm giá trong tháng 11/2023. Cụ thể: Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 9,56%, đây là nhóm có chỉ số tăng cao nhất so với các nhóm còn lại, tác động làm CPI chung tăng 0,62 điểm phần trăm¹; chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,88%, trước tập trung ở mặt hàng nước quả ép tăng 1,87%, rượu mạnh tăng 4,03%; thuốc lá tăng 1,30%; chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,37%...

Ở chiều ngược lại, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,95% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,32 điểm phần trăm. Mặc dù giá gạo xuất khẩu tiếp tục đà tăng mạnh sau khi Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu gạo, tác động đến giá các mặt hàng lương thực chế biến và ngũ cốc khác

¹ Giá dịch vụ giáo dục tăng 11,21% do một số khu vực trên địa bàn tỉnh thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo Nghị quyết số 13 của HĐND và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024).

tăng², làm chỉ số giá nhóm lương thực tăng 3,30%, nhưng trong tháng, giá hầu hết các mặt hàng thực phẩm trên địa bàn giảm sâu so với tháng trước: Giá thịt lợn giảm 4,06%; thịt gia cầm giảm 6,85%; nội tạng động vật giảm 2,30%, thịt quay, giò, chả giảm 3,0%; trứng các loại giảm 0,31%. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,55%; nhóm giao thông giảm 0,87%³; nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,16%...

- Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 11/2023, chỉ số giá vàng tăng 3,69% so với tháng trước, tăng 10,48% so với tháng 12/2022 và tăng 1,38% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng đầu năm 2023 giá vàng tăng 2,23%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,21% so với tháng trước; tăng 0,37% so với tháng 12/2022; tăng 0,04% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng đầu năm 2023 giá USD tăng 1,12%.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, chính sách giảm thuế và các chi phí khác đã được triển khai nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và dân cư, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức không nhỏ tới nguồn thu ngân sách của tỉnh. Tính đến 15/11/2023, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 22.582 tỷ đồng, giảm 25,43% so với cùng kỳ, bằng 69,84% dự toán giao đầu năm. Thị trường bất động sản trầm lắng làm cho các khoản thu từ nhà đất giảm 51,03% so với cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 56,45% tổng thu ngân sách trên địa bàn giảm 26,43% là những nguyên nhân chính tác động làm thu nội địa 11 tháng đầu năm giảm 24,79%. Thu từ Hải quan đạt 4.234 tỷ đồng, giảm 28,34% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/11/2023 đạt 21.817 tỷ đồng, tăng 15,21% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) tăng 19,77%; chi thường xuyên tăng 9,39% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Nhằm giảm áp lực tài chính và kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại đã giảm mặt bằng lãi suất cho các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản vay mới với mức giảm từ 1,5-2%/năm. Đồng thời, tập trung nguồn vốn phục vụ phát triển sản xuất kinh

² Gạo tẻ thường tăng 6,06%; gạo tẻ ngon tăng 4,31%; gạo nếp tăng 1,36%;

³ Các đợt điều chỉnh giá trong nước vào các ngày 01/11/2023, 13/11/2023 và 23/11/2023 đã làm giá xăng trong nước giảm 1,25% so với tháng trước. Giá xăng dầu bình quân trong tháng 11/2023 như sau: giá xăng A95 là 24.235 đồng/lít, xăng sinh học E5 là 22.274 đồng/lít.

doanh, đặc biệt đối với các ngành ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch và các lĩnh vực ưu tiên. Lãi suất cho vay tháng 11/2023 trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7%/năm đối với từng kỳ hạn.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 30/11/2023 đạt 120.000 tỷ đồng, tăng 9,51% so với cuối năm 2022. Tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn khiến các tổ chức kinh tế không có tiền nhàn rỗi, các doanh nghiệp FDI chuyển lợi nhuận về nước và chuyển sang sử dụng dịch vụ của ngân hàng nước ngoài làm cho nguồn tiền gửi từ các tổ chức kinh tế giảm 2,47% so với cuối năm 2022. Ngược lại, nguồn tiền gửi tiết kiệm trong dân duy trì đà tăng trưởng tốt, ước đạt 80.700 tỷ đồng, tăng 16,48% so với cuối năm 2022, chiếm 67,25% tổng nguồn vốn huy động. Ngoài nguồn vốn huy động tại địa phương, các tổ chức tín dụng trên địa bàn nhận vốn điều hoà từ Hội sở chính để tăng nguồn, bù đắp thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 30/11/2023 ước đạt 125.000 tỷ đồng, tăng 7,96% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn tăng 7,13%; dư nợ cho vay trung và dài hạn tăng 10,04%. Theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 56,65% tổng dư nợ; khu vực doanh nghiệp chiếm 43,20%, tăng 10,69% so với cuối năm 2022. Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 1%, ước đạt 0,84% tổng dư nợ.

5.3. Bảo hiểm

Ước tính đến 30/11/2023, toàn tỉnh có 1.152.185 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 248.876 người tham gia BHXH, chiếm 43,2% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 231.241 người; BHXH tự nguyện: 17.635 người); tham gia BH thất nghiệp có 222.842 người, chiếm 38,7% lực lượng lao động; tham gia BHYT có 1.136.494 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,9% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 5.775,3 tỷ đồng, đạt 90,8% kế hoạch giao và tăng 11,11% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng: 11 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 657 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 12.565 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 133.366 lượt người; lập danh sách chi trả cho 12.335 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

Tình hình một số bệnh truyền nhiễm: Trong tháng tiếp tục ghi nhận các ca mắc COVID-19, sốt xuất huyết, bệnh do vi rút Adeno, thủy đậu, tay chân miệng..., không ghi nhận trường hợp tử vong do mắc bệnh truyền nhiễm. Cụ

thể: 400 ca mắc sốt xuất huyết, tăng 167 ca; 450 ca cúm, tăng 34 ca; 03 ca viêm gan vi rút B, giảm 06 ca; 82 ca tiêu chảy, giảm 01 ca; 134 ca tay - chân - miệng, giảm 17 ca; 10 ca Covid giảm 15 ca so với tháng trước... các ca mắc đều được các cơ sở y tế thực hiện điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra.

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm: Trong kỳ, ngành Y tế và UBND các cấp đã tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát được 211 lượt cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 192 cơ sở chiếm tỷ lệ 91%; tiến hành xét nghiệm 407 mẫu thực phẩm, có 405 mẫu đạt, 01 mẫu không đạt, 01 mẫu chưa có kết quả, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến đầu tháng 11: Lũy tích có 4.868 người nhiễm HIV, lũy tích số người chuyển AIDS là 2.333 người, lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.107 người, số người nhiễm HIV hiện còn sống có hộ khẩu tại tỉnh là 1.387 người. Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.164 bệnh nhân.

6.2. Giáo dục và đào tạo

Từ đầu tháng 11, ngành Giáo dục tại các địa phương và trường học trên khắp tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023). Các hoạt động được tổ chức nhằm tôn vinh các thế hệ thầy giáo, cô giáo, những người mở đường cho tri thức, đồng thời cũng góp phần lớn trong việc truyền dạy truyền thống "tôn sư trọng đạo" đến các thế hệ học sinh. Từ đó thúc đẩy việc nâng cao chất lượng giáo dục và hoàn thành thành công nhiệm vụ của ngành trong năm học. Việc tăng cường phong trào "Dạy tốt - Học tốt", kết hợp với việc tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao và dọn dẹp, vệ sinh trường lớp là những hoạt động thiết thực và có ý nghĩa lớn mà các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã tổ chức.

6.3. Văn hóa, thể thao

Các sự kiện, lễ hội, chương trình, phong trào văn hóa, được tổ chức rộng rãi tại nhiều địa phương như: Chương trình biểu diễn nghệ thuật cho 800 trẻ em là những thiếu niên, nhi đồng chăm ngoan học giỏi, đại diện cho trên 300.000 trẻ em của tỉnh với chủ đề “Bay cao con nhé”; chương trình Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được tổ chức tại tất cả các thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh. Các hoạt động thể thao diễn ra sôi nổi trên địa bàn tỉnh như: giải vô địch trẻ và thiếu niên Vật dân tộc quốc gia lần thứ XXIV năm 2023, giải đấu thu hút hơn 160 vận động viên đến từ 15 địa phương, đoàn Vĩnh Phúc tham gia giải gồm 11 vận động viên ở đội tuyển và đội trẻ kết quả giành 3 Huy chương Vàng, 5 Huy chương Đồng; chương trình đồng diễn thể dục dưỡng sinh với gần 200 người cao tuổi tham gia và giao lưu văn nghệ.

6.4. An ninh, trật tự, giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Tình hình an ninh trật tự: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Trong tháng, Công an tỉnh đã triển khai nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen, cướp giật, trộm cắp... Tính đến ngày 15/11/2023, toàn tỉnh xảy ra 503 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, làm 196 người bị thương, 07 người chết thiệt hại tài sản 73,9 tỷ đồng, đã điều tra làm rõ 465 vụ, với 972 đối tượng bị bắt giữ, thu hồi tài sản trị giá 17,05 tỷ đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng Mười một, toàn tỉnh xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 12 người chết; số người bị thương 28 người; 11 tháng đầu năm, xảy ra 88 vụ, làm 44 người chết và 92 người bị thương, so với cùng kỳ, số vụ tai nạn tăng 25 vụ, số người chết tăng 17 người, số người bị thương tăng 74 người.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 34 vụ vi phạm môi trường (VPMT); số vụ đã xử lý là 34 vụ với số tiền xử phạt là 185,2 triệu đồng. Lũy kế 11 tháng đầu năm phát hiện 353 vụ, số tiền xử phạt là 2,87 tỷ đồng, tăng 24 vụ VPMT và tăng 8,69% về số tiền xử phạt./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK (b/c)
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh (b/c);
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong